

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kỹ năng, thái độ và nội dung tích hợp

a. Kiến thức

- Học sinh nêu được sự tiến hoá của giới động vật từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.
- Học sinh thấy rõ được đặc điểm thích nghi của động vật với môi trường sống.
- Chỉ rõ giá trị nhiều mặt của giới động vật.

b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp kiến thức.

c. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn.

d. Tích hợp: Giáo dục tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường và bảo vệ động thực vật.

2. Các kỹ năng sống cơ bản.

- Kỹ năng tự nhận thức.
- Kỹ năng giao tiếp.
- Kỹ năng lắng nghe tích cực.
- Kỹ năng hợp tác.
- Kỹ năng tư duy sáng tạo.
- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin.
- Kỹ năng kiểm soát cảm xúc.

3. Các phương pháp dạy học tích cực.

- Phương pháp dạy học theo nhóm.
- Phương pháp giải quyết vấn đề.
- Phương pháp trực quan.
- Phương pháp thực hành.

II. Tổ chức hoạt động dạy học

1. Chuẩn bị đồ dùng dạy học:

- Tranh ảnh về động vật đã học.
- Bảng thống kê về cấu tạo và tầm quan trọng

2. Phương án dạy học:

- + Sự tiến hóa của động vật
- + Tầm quan trọng trong thực tiễn của động vật

3. Hoạt động dạy và học

* **Ôn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số.

* **Kiểm tra bài cũ**

A. Hoạt động khởi động

B. Hoạt động hình thành kiến thức:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<u>Hoạt động 1:</u> <i>Sự tiến hoá của giới động vật.</i>	<u>Hoạt động 1:</u> <i>Sự tiến hoá của giới động vật</i>
<i>Mục tiêu:</i> HS thấy được sự tiến hoá từ	

đơn giản đến phức tạp của giới động vật. - <i>Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho nhóm:</i> - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm và hoàn thành bảng 1 “Sự tiến hoá của giới động vật” - GV kẻ sẵn bảng 1 trên bảng phụ cho HS chữa bài. - GV cho HS ghi kết quả của nhóm. - GV tổng hợp các ý kiến của các nhóm. - Cho HS quan sát bảng đáp án.	-<i>Học sinh hoạt động nhóm:</i> - Cá nhân tự nghiên cứu thông tin SGK trang 200, thu thập kiến thức. - Trao đổi nhóm thống nhất câu trả lời - Yêu cầu nêu được: + Tên ngành + Đặc điểm tiến hoá phải liên tục từ thấp đến cao. + Con đại diện phải điển hình. - Đại diện nhóm lên ghi kết quả vào bảng 1, nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. - Các nhóm sửa chữa nếu cần.
---	---

Đặc điểm	Cơ thể đơn bào	Cơ thể đa bào				
		Đối xứng toả tròn	Đối xứng hai bên			
			Cơ thể mềm	Cơ thể mềm, có vỏ đá vôi	Cơ thể có bộ xương ngoài bằng kitin	Cơ thể có bộ xương trong
Ngành	<i>Động vật nguyên sinh</i>	<i>Ruột khoang</i>	<i>Các ngành giun</i>	<i>Thân mềm</i>	<i>Chân khớp</i>	<i>Động vật có xương sống</i>
Đại diện	<i>Trùng roi</i>	<i>Tủy tủy</i>	<i>Giun đũa, giun đất</i>	<i>Trai sông</i>	<i>Châu chấu</i>	<i>Cá chép, ếch, thằn lằn bóng đuôi dài, chim bồ câu, thỏ</i>

- GV yêu cầu HS theo dõi bảng 1, trả lời câu hỏi: - <i>Sự tiến hoá của giới động vật được thể hiện như thế nào?</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: - <i>Sự thích nghi của động vật với môi</i>	- Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến. - Yêu cầu nêu được; + Sự tiến hoá thể hiện sự phức tạp về tổ chức cơ thể, bộ phận nâng đỡ... - Cá nhân nhớ lại các nhóm động vật đã học và môi trường sống của chúng, thảo luận nhóm. Yêu cầu nêu được: + Sự thích nghi của động vật: có loài sống
---	--

<i>trường sống thể hiện như thế nào?</i> - Thế nào là hiện tượng thứ sinh? Cho ví dụ cụ thể? - GV cho các nhóm trao đổi đáp án - Hãy tìm trong các loài bò sát, chim có loài nào quay trở lại môi trường nước? - Cho HS rút ra kết luận.	bay lượn trên không (có cánh), loài sống ở nước (có vây), sống nơi khô cạn (dự trữ nước). + Hiện tượng thứ sinh: quay lại sống ở môi trường của tổ tiên. VD: Cá voi sống ở nước. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
---	--

Kết luận:

- Giới động vật đã tiến hoá từ đơn giản đến phức tạp.
- Động vật thích nghi với môi trường sống.
- Một số có hiện tượng thích nghi thứ sinh.

Hoạt động 2: Tầm quan trọng trong thực tiễn của động vật

Mục tiêu: HS chỉ rõ những mặt lợi của động vật đối với tự nhiên và đời sống con người, tác hại nhất định của động vật.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Giáo viên chuy-n giao nhiệm vụ cho cả lớp: - GV yêu cầu các nhóm hoàn thành bảng 2 “Những động vật có tầm quan trọng trong thực tiễn” - GV kẻ bảng 2 để HS chữa bài. - GV nên gọi nhiều nhóm chữa bài để có điều kiện đánh giá hoạt động của nhóm.	- Học sinh hoạt động cá nhân. - Học sinh độc lập suy nghĩ để thực hiện nhiệm vụ: - Cá nhân nghiên cứu nội dung trong bảng 2, trao đổi nhóm tìm tên động vật cho phù hợp với nội dung. - Đại diện nhóm lên bảng ghi kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

	Tầm quan trọng thực tiễn	Tên bài	
		Động vật không xương sống	Động vật có xương sống
Động vật có ích	- Thực phẩm (vật nuôi, đặc sản) - Dược liệu - Công nghiệp - Nông nghiệp - Làm cảnh - Trong tự nhiên	- Tôm, cua, rươi, - Mực - San hô - Giun đất - Trai ngọc - Nhện, ong	- Cá, chim, thú... - Gấu, khỉ, rắn... - Bò, cầy, công... - Trâu, bò, gà... - Vẹt - Cá, chim...
Động vật có hại	- Đối với nông nghiệp	- Châu chấu, sâu, gai, bọ rùa	- Chuột

	- Đối với đời sống con người - Đối với sức khoẻ con người	- Ruồi, muỗi - Giun đũa, sán	- Rắn độc
--	--	---	---

- Động vật có vai trò gì? - Động vật gây nên những tác hại như thế nào?	- HS dựa vào nội dung bảng 2 để trả lời. <u>Kết luận:</u> - Đa số động vật có lợi cho tự nhiên và cho đời sống con người. - Một số động vật gây hại.
--	---

C. Hoạt động luyện tập:

- GV cho HS trả lời câu hỏi:

+ Dựa vào bảng 1 trình bày sự tiến hoá của giới động vật?

+ Nêu tầm quan trọng thực tiễn của động vật?

D. Hoạt động vận dụng:

E. Hoạt động tìm tòi , mở rộng:

- Chuẩn bị kiểm tra 1 tiết.

- Viết sơ đồ hệ thống kiến thức.